

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XV, KỶ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Báo cáo số 404/BC-UBND ngày 18/12/2020 và Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2021 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đồng ý nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2021 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 18/12/2020.

2. Nguồn vốn đầu tư công năm 2021 do thành phố quản lý là 13.614,488 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Các nguồn vốn của Trung ương : 1.242,152 tỷ đồng.
- b) Các nguồn vốn của thành phố : 12.372,336 tỷ đồng.



3. Phương án bố trí vốn đầu tư công năm 2021:

Căn cứ nhu cầu đầu tư cho các chương trình, dự án của thành phố, bố trí vốn đầu tư công năm 2021 như sau:

a) Các nguồn vốn của Trung ương: Phân bổ cho từng dự án, chương trình theo Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các nguồn vốn của thành phố bố trí theo thứ tự ưu tiên sau:

- | | | |
|---|-----------|----------|
| (1) Ghi thu - ghi chi tiền sử dụng đất: | 1.000 | tỷ đồng; |
| (2) Phân cấp cho các quận, huyện: | 2.755,685 | tỷ đồng; |
| (3) Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư phục vụ Dự án Xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố: | 220,442 | tỷ đồng; |
| (4) Hỗ trợ các quận xây dựng các công viên cây xanh: | 105 | tỷ đồng; |
| (5) Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: | 944,401 | tỷ đồng; |
| (6) Vốn cho công tác quy hoạch: | 50 | tỷ đồng; |
| (7) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: | 9,977 | tỷ đồng; |
| (8) Bố trí vốn thực hiện dự án và vốn chuẩn bị đầu tư các dự án của thành phố: | 7.286,831 | tỷ đồng. |

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định; đồng thời tập trung chỉ đạo:

a) Giao Kế hoạch đầu tư công năm 2021 cho các đơn vị thực hiện theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư công; Chi tiết kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án đầu tư mới và các dự án điều chỉnh; tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án theo quy định hiện hành.

b) Tăng cường quản lý và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm 2021 vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 22/12/2020./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- TTTU, TTHĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, ĐBQH, UBND, HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

BIỂU I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 52 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2020			Năm 2021	
		Kế hoạch HĐND TP đã giao	Ước thực hiện	Tăng/ Giảm so với số dự toán đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Tăng/Giảm (+/-) so với số ước thực hiện năm 2020
1	2	3	4	5	6	7=6-4
	TỔNG SỐ	13.864.063	12.663.800	-1.200.263	13.614.488	950.688
I	Các nguồn vốn đầu tư công của Trung ương	1.481.700	1.481.700	0	1.242.152	-239.548
1	Vốn trong nước	819.700	819.700	0	809.215	-10.485
2	Vốn nước ngoài ODA	662.000	662.000	0	432.937	-229.063
II	Vốn đầu tư công của địa phương	12.382.363	11.182.100	-1.200.263	12.372.336	1.190.236
a	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	5.796.182	2.534.000	-3.262.182	5.018.251	2.484.251
b	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất	2.944.081	5.444.000	2.499.919	5.931.685	487.685
c	Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển	1.515.000	1.075.000	-440.000	1.325.000	250.000
d	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	31.000	33.000	2.000	35.000	2.000
e	Nguồn thưởng vượt dự toán thu năm 2019 phân chia giữa ngân sách trung ương - ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù	1.456.200	1.456.200	0		-1.456.200
g	Vay lại vốn ODA theo Hiệp định đã ký	639.900	639.900	0	62.400	-577.500

BIỂU II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021	
		Kế hoạch HĐND TP đã giao	Ước thực hiện	Kế hoạch năm 2021	Tăng/Giảm (+/-) so với số ước thực hiện năm 2020
1	2	3	4	5	6=5-4
	TỔNG SỐ	13.864.063	12.663.800	13.614.488	950.688
I	Các nguồn vốn đầu tư công của Trung ương	1.481.700	1.481.700	1.242.152	-239.548
1	Vốn trong nước	819.700	819.700	809.215	-10.485
2	Vốn nước ngoài ODA	662.000	662.000	432.937	-229.063
I	Vốn đầu tư công của địa phương	12.382.363	11.182.100	12.372.336	1.190.236
1	Ghi chi tiền đất	500.000	500.000	1.000.000	500.000
2	Phân cấp cho các quận, huyện	2.864.233	3.955.233	2.755.685	-1.199.548
-	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	1.337.050	1.337.050	1.470.755	133.705
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất và kinh phí bồi thường GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất của các quận, huyện	1.527.183	2.618.183	1.241.487	-1.376.696
-	Chi đầu tư từ nguồn thu được điều tiết (quận Hải An)			43.443	43.443
3	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án Xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố			220.442,397	220.442,397
4	Hỗ trợ các quận xây dựng các công viên cây xanh (07 quận, mỗi quận 01 công viên)			105.000	105.000
5	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	1.083.790	139.389	944.401	805.012
6	Công tác quy hoạch (Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch khác theo Luật Quy hoạch)	30.000	600	50.000	49.400
7	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	197.503	197.503	9.977	-187.526
8	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	4.000	4.000		-4.000
9	Bổ trí vốn thực hiện dự án và vốn chuẩn bị đầu tư các dự án của thành phố	7.702.837	6.385.375	7.286.831	901.456
-	Các dự án vay lại vốn ODA theo Hiệp định đã ký	639.900	639.900	62.400	-577.500
-	Các dự án của thành phố, bao gồm:	7.062.937	5.745.475	7.224.430,603	1.478.956
+	Các dự án quyết toán			150.000,000	
+	Các dự án chuyển tiếp			6.250.044,482	
+	Các dự án khởi công mới			824.386,121	

**BIỂU III: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số 52 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
		Số quyết định	Giá trị quyết toán		Tổng số
			Tổng số	Tr.đó: NSTP	
	TỔNG SỐ	-	2.759.208,974	1.324.723,870	150.000,000
I	Hoạt động kinh tế	-	1.864.450,914	467.595,263	100.712,034
I.1	Giao thông	-	992.498,374	93.914,770	41.786,374
1	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	64/QĐ-STC, 20/12/2019	57.556,374	57.556,374	6.291,374
2	Xây dựng tuyến đường trục chính Tây Nam khu công nghiệp Đình Vũ	01/QĐ-STC, 13/3/2020	802.279,000	36.358,396	18.000,000
3	Dự án khắc phục sự cố cầu Bình	11/QĐ-STC, 17/6/2016	132.663,000		17.495,000
I.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn		560.730,119	136.939,957	27.706,531
1	Xây dựng CSHT Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trần Châu, Cát Bà	54/QĐ-STC, 02/11/2017	304.425,379	2.122,000	1.522,000
2	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2017 thành phố Hải Phòng	34/QĐ-STC, 18/9/2019	54.997,865	54.997,865	14.997,865
3	Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm và phát triển nông thôn và khí sinh học thành phố Hải Phòng (QSEAP)	11/QĐ-STC 22/3/2019	94.958,950	15.128,059	3.998,094
4	Dự án đầu tư bố trí lại dân cư phát triển nông thôn theo mô hình thí điểm tại các xã Tân Trào, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	12/QĐ-STC, 16/3/2018	65.490,979	28.818,000	6.130,000
5	Xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp ven đường 14 Kiến Thụy - Đồ Sơn (Thanh toán gói thầu hoàn thành: gói thầu số 02 - Cống, cầu trên kênh và số 07 - Nhà quản lý xét nghiệm môi trường)	22/QĐ-STC, 02/5/2019	1.876,654	1.876,654	576,654
6	Xử lý cấp bách chống xói lở đê tả sông Lạch Tray, đoạn K15+450 - K16+600 và đoạn K17+590 - K19+000 huyện An Dương	40/QĐ-STC, 30/9/2019	12.978,534	7.995,621	338,225

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
		Số quyết định	Giá trị quyết toán		Tổng số
			Tổng số	Tr.đó: NSTP	
7	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2014	09/QĐ-STC, 26/5/2017	26.001,758	26.001,758	143,693
I.3	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		221.865,406	147.383,521	28.728,452
1	Xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	02/QĐ-STC, 13/03/2020	135.072,126	60.590,241	18.000,000
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đất Công ty Xuất nhập khẩu súc sản gia cầm Hải Phòng	66/QĐ-STC, 21/12/2018	8.095,085	8.095,085	67,257
3	Xây dựng Khu nhà ở chung cư tái định cư 5 tầng tại phường Kênh Dương, q.Lê Chân	21/QĐ-STC, 20/8/2015	78.698,195	78.698,195	10.661,195
I.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế		89.357,015	89.357,015	2.490,677
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên thành phố Hải Phòng, giai đoạn I	03/QĐ-STC 13/01/2016	89.357,015	89.357,015	2.490,677
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		61.658,906	30.829,453	4.478,280
1	Xây dựng Trung tâm Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an thành phố tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn	25/QĐ-STC 30/12/2016; 915/TB-KTNN 21/11/2017	61.658,906	30.829,453	4.478,280
III	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		356.533,224	349.733,224	5.903,355
1	Cải tạo, nâng cấp 02 nhà giảng đường Trường Chính trị Tô Hiệu (Giai đoạn I: Xây dựng nhà giảng đường 3 tầng số 2)	35/QĐ-STC, 05/9/2018	23.085,597	23.085,597	2.055,597
2	Xây dựng công trình Trường tiểu học thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải	44/QĐ-STC 31/10/2018	10.149,487	3.349,487	3.349,487
3	Xây dựng Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú, giai đoạn 1	39/QĐ-STC 30/9/2019	323.298,140	323.298,140	498,271
IV	Phát thanh, truyền hình		342.191,493	342.191,493	32.863,966
1	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	24/QĐ-STC 13/5/2019	342.191,493	342.191,493	32.863,966
V	Dự án khác		134.374,437	134.374,437	6.042,365
1	Xây dựng Trung tâm hội nghị Thành phố	665/QĐ-STC 30/10/2014	134.374,437	134.374,437	6.042,365

**BIỂU IV: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP**

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
	TỔNG SỐ		46.644.671	35.995.078	6.250.044,482
A	Các dự án trọng điểm		19.518.643	19.518.643	4.445.681
I	Hoạt động kinh tế		19.518.643	19.518.643	4.445.681
I.1	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		11.448.117	11.448.117	1.470.000
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	2008/QĐ-UBND 15/9/2016 2632/QĐ-UBND 10/10/2018	9.899.085	9.899.085	1.160.000
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm	2610/QĐ-UBND 28/10/2016 2553/QĐ-UBND 24/10/2019	911.134	911.134	170.000
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc Sông Cấm (giai đoạn 2)	2247/QĐ-UBND, 20/9/2019	637.897	637.897	140.000
I.2	Giao thông		8.070.526	8.070.526	2.975.681
1	Cải tạo nâng cấp đường 359 từ cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND 31/10/2017	1.315.665	1.315.665	280.000
2	Cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019	1.141.437	1.141.437	500.000
3	Xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 - giai đoạn I, quận Ngô Quyền đoạn từ ngã tư Nguyễn Bình Khiêm - Văn Cao đến đường Lê Lợi	917/QĐ-UBND, 24/5/2013 355/QĐ-UBND, 07/3/2016	1.357.411	1.357.411	530.000
4	Xây dựng tuyến đường nối từ nút giao Nam cầu Bính đến Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	1910/QĐ-UBND, 20/8/2019	770.095	770.095	450.000

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
5	Xây dựng cầu Rào I	2143/QĐ-UBND, 24/7/2020	2.265.198	2.265.198	1.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến cầu Kiên	3095/QĐ-UBND, 07/10/2020	1.220.720	1.220.720	215.681
B	Các dự án đối ứng ODA		12.511.017	3.372.679	222.000
I	Hoạt động kinh tế		6.546.133	2.050.966	62.000
I.1	Giao thông		5.342.081	1.927.748	50.000
1	Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và các dự án tái định cư, phục vụ GPMB	199/QĐ-UBND, 30/01/2011 200/QĐ-UBND, 30/01/2011 2264/QĐ-UBND, 13/11/2013 2057/QĐ-UBND, 21/10/2013 607/QĐ-UBND, 14/3/2014 605/QĐ-UBND, 14/3/2014 2375/QĐ-UBND, 31/10/2014 1242/QĐ-UBND, 07/01/2016 916/QĐ-UBND, 23/5/2013 2924/QĐ-UBND, 29/12/2015 292/QĐ-UBND, 02/3/2015 3346/QĐ-UBND, 29/12/2015 3347/QĐ-UBND, 29/12/2015 1865/QĐ-UBND, 07/9/2016 1844/QĐ-UBND, 07/8/2018	5.342.081	1.927.748	50.000
I.2	Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1.204.052	123.218	12.000

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
1	Xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn 1)	1648/QĐ-UBND, 17/10/2011 145/QĐ-UBND, 21/01/2016 498/QĐ-UBND, 07/3/2017 3267/QĐ-UBND, 29/11/2017	188.192	16.192	5.000
2	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	1658/QĐ-BNN-HTQT 04/5/2017	885.860	86.960	2.000
3	Phục hồi và phát triển rừng ven biển tại quần đảo Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 -2020	2580/QĐ-UBND, 31/10/2018 1940/QĐ-UBND, 21/8/2019	130.000	20.066	5.000
II	Bảo vệ môi trường		5.890.039	1.313.918	155.000
1	Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn)	2333/QĐ-UBND, 25/10/2006; 1110/QĐ-UBND, 04/7/2008; 1807/QĐ-UBND, 11/9/2009; 2469/QĐ-UBND, 09/12/2009; 1727/QĐ-UBND, 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND, 20/10/2010; 186/QĐ-UBND, 09/02/2012; 303/QĐ-UBND, 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND, 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND, 05/7/2013; 230/QĐ-UBND, 04/02/2016; 577/QĐ-UBND, 15/3/2017; 1029/QĐ-UBND, 04/5/2017; 1573/QĐ-UBND, 05/7/2018	5.788.954	1.296.974	150.000
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2591/QĐ-UBND 05/10/2017	101.085	16.944	5.000

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
III	Y tế		74.845	7.795	5.000
1	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	151/QĐ-UBND 21/01/2016; 2618/QĐ-UBND, 09/10/2018	74.845	7.795	5.000
C	Các dự án chuyển tiếp khác		14.615.011	13.103.757	1.582.363
I	Hoạt động kinh tế		13.340.200	11.969.444	1.297.133
I.1	Giao thông		10.274.265	9.571.855	1.085.962
1	Xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao với đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Chợ Con	2911/QĐ-UBND, 22/9/2020	2.053.334	2.053.334	250.000
2	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua Khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	2650/QĐ-UBND, 31/10/2019	924.238	924.238	70.000
3	Xây dựng đường nối từ cầu Lạng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển	2662/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.343.185	1.343.185	70.000
4	Mở rộng đường xuyên đảo Cát Hải (Cái Viêng - Mốc Trắng)	2275/QĐ-UBND 20/11/2007 1122/QĐ-UBND 17/6/2009 356a/QĐ-UBND 20/02/2017 2502/QĐ-UBND 26/9/2017	777.510	745.230	80.000
5	Cải tạo, nâng cấp đường 356, đoạn từ Ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	2723/QĐ-UBND 22/10/2018	232.178	232.178	80.000
6	Cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải)	1445/QĐ-UBND, 16/9/2011 1604/QĐ-UBND, 22/8/2013 1818/QĐ-UBND, 21/8/2014 2503/QĐ-UBND, 26/9/2017	826.657	555.657	40.000
7	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	2671/QĐ-UBND 31/10/2016 2779/QĐ-UBND 26/10/2018	1.290.947	1.290.947	120.000

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
8	Xây dựng tuyến đường vào và khu bảo tồn bãi cọc Cao Quý, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	719/QĐ-UBND, 12/3/2020 2111/QĐ-UBND 23/7/2020	362.461	362.461	52.510
9	Cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	2930/QĐ-UBND 31/10/2017	305.462	305.462	85.000
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Hàn - quốc lộ 37	2933/QĐ-UBND 31/10/2017 2374/QĐ-UBND 04/10/2019	318.592	318.592	80.171
11	Xây dựng tuyến đường bao phía Nam kênh huyện đội, thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	2856/QĐ-UBND 30/10/2017	103.415	92.462	28.000
12	Cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chũng Km18+500 đến ngã tư Kênh Km27+600)	2887/QĐ-UBND 30/10/2017	133.534	133.534	30.000
13	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ cổng Sân bay cũ đến đường liên phường) quận Hải An	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	242.530	242.530	20.000
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	1731/QĐ-UBND, 26/7/2019	119.278	119.278	20.000
15	Xây dựng tuyến đường trục đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường) quận Hải An	2855/QĐ-UBND 30/10/2017	282.574	282.574	10.000
16	Cải tạo, nâng cấp đường Cúc Phố - Ninh Đông (đoạn từ xã Cộng Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	2781/QĐ-UBND, 29/10/2018	42.912	37.162	5.000
17	Xây dựng cầu sông Hóa, nối giữa huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	869/QĐ-UBND, 10/4/2019	185.034	182.004	5.000
18	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền	2634/QĐ-UBND 28/10/2016	79.650	79.650	9.500

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
19	Xây dựng Cầu Khuê	301/QĐ-UBND, 26/02/2007 1941/QĐ-UBND, 29/9/2009 359/QĐ-UBND, 10/3/2010 1402/QĐ-UBND, 18/7/2016 2228/QĐ-UBND, 10/8/2018	509.740	145.209	781
20	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trục liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi công C4)	2884/QĐ-UBND 28/10/2017	141.033	126.167	30.000
I.2	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		1.839.289	1.706.274	141.171
1	Đầu tư chỉnh trang đô thị (xây dựng hạ tầng kỹ thuật) tại khu đất số 4 Trần Phú, quận Ngô Quyền và phục vụ đấu giá đất	875/QĐ-UBND, 10/4/2019	70.305	70.305	3.500
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	2856/QĐ-UBND, 31/10/2018	330.140	330.140	38.000
3	Xây dựng Khu đô thị và nhà ở Cựu Viên - Kiến An, giai đoạn I (xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng)	1100/QĐ-UBND, 17/12/1997 3013/QĐ-UBND, 19/11/2004	251.687	118.672	12.296
4	Xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 tại phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	50/QĐ-UBND, 11/01/2012 54/QĐ-UBND, 12/01/2015	198.516	198.516	20.000
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đông Khê 2 tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền	564/QĐ-UBND 14/03/2017	69.161	69.161	25.000
6	Xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải - giai đoạn 1 (tại các xã Văn Phong, Nghĩa Lộ, Hoàng Châu - diện tích 19,68ha)	547/QĐ-UBND, 14/3/2019	642.879	642.879	30.000,482

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
7	Xây dựng khu chung cư cao tầng tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền phục vụ tái định cư để GPMB tuyến đường trung tâm 100m Lạch Tray-Hồ Đông	1206/QĐ-UBND, 14/6/2005 1191/QĐ-UBND, 16/7/2010	276.601	276.601	12.375
I.3	Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản		664.543	519.212	45.000
1	Xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Xuân Đám, huyện Cát Hải	984/QĐ-UBND, 23/6/2010 447/QĐ-UBND, 05/3/2013 2343/QĐ-UBND, 31/10/2014 1117/QĐ-UBND, 04/5/2020	131.453	60.621	20.000
2	Xây dựng Cảng cá Trân Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	2893/QĐ-UBND 30/10/2017 91/QĐ-UBND, 11/01/2019	297.324	297.324	10.000
3	Xây dựng công trình Kiên cố hóa và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đê tả Lạch Tray từ cầu An Đồng đến cầu Rào, đoạn K19+000 - K25+750	871/QĐ-UBND, 06/02/2010 2385/QĐ-UBND, 19/10/2015 2895/QĐ-UBND, 02/11/2018	235.766	161.267	15.000
I.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế		562.103	172.103	25.000
1	Xây dựng mở rộng đường trục qua Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	2133/QĐ-UBND, 29/10/2013 3077/QĐ-UBND, 21/11/2018	562.103	172.103	25.000
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		464.095	455.145	125.950
1	Xây dựng, nâng cấp Trụ sở Công an thành phố	2904/QĐ-UBND 31/10/2017	165.907	165.907	30.000
2	Xây dựng doanh trại Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 1 - Khu vực Dương Kinh	2828/QĐ-UBND, 30/10/2018	55.949	46.999	10.000
3	Đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển	2846/QĐ-UBND, 31/10/2018	199.742	199.742	70.000
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	2912/QĐ-UBND 31/10/2017	13.500	13.500	4.800
5	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	2913/QĐ-UBND 31/10/2017	13.999	13.999	5.200
6	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	2935/QĐ-UBND 31/10/2017	14.998	14.998	5.950

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2021 (Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
			Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số
III	Quốc phòng		147.463	73.914	15.880
1	Xây dựng trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	1571/QĐ-UBND, 04/10/2011	105.070	31.521	10.000
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố	2580/QĐ-UBND, 23/12/2009	42.393	42.393	5.880
IV	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		181.346	181.346	49.000
1	Xây dựng Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú	2938/QĐ-UBND, 31/10/2017	70.968	70.968	15.000
2	Xây dựng Trường mầm non Nhi Đức	2897/QĐ-UBND 30/10/2017	63.086	63.086	20.000
3	Xây dựng, sửa chữa Trường THPT Ngô Quyền	2566/QĐ-UBND, 25/10/2019	47.292	47.292	14.000
V	Y tế, dân số và gia đình		322.853	322.853	59.000
1	Chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em	2613/QĐ-UBND 09/10/2017	76.676	76.676	43.500
2	Xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Hải Phòng - Giai đoạn I	2662/QĐ-UBND 31/10/2016	188.742	188.742	11.500
3	Xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	2664/QĐ-UBND 31/10/2016	57.435	57.435	4.000
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức		27.662	27.662	16.400
1	Xây dựng mới đơn nguyên 2 tòa án nhân dân quận Ngô quyền và tu bổ, bảo tồn tòa nhà Pháp phía trước	2636/QĐ-UBND, 30/10/2019	27.662	27.662	16.400
VII	Bảo vệ môi trường		131.393	73.393	19.000
1	Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - giai đoạn I, xã Trần Châu, huyện Cát Hải	2896/QĐ-UBND 30/10/2017 2107/QĐ-UBND, 06/9/2019	116.408	58.408	15.000
2	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	2637/QĐ-UBND 28/10/2016	14.985	14.985	4.000

**BIỂU V: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	QĐ phê duyệt		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
		Số QĐ	TMĐT			Tổng số
			Tổng số	Trong đó: NSTP		
	Tổng số		1.983.602	1.913.655	824.386,121	
I	Hoạt động kinh tế		1.714.805	1.709.857	145.000	
I.1	Giao thông		1.399.646	1.399.646	100.000	
1	Xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00) đến Ngã Ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND, 10/7/2020	832.689	832.689	50.000	
2	Xây dựng mở rộng đường ĐT 363 (đoạn kênh Hòa Bình, từ ĐT353 đến ĐT 361)	3096/QĐ-UBND, 07/10/2020	566.957	566.957	50.000	
I.2	Nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản		315.159	310.211	45.000	
1	Tu bổ, nâng cấp đê điều xung yếu năm 2021 thành phố Hải Phòng	2885/QĐ-UBND 31/10/2017; 3758/QĐ-UBND, 11/12/2020	46.000	46.000	15.000	(Vốn CBĐT và thực hiện dự án)
2	Cải tạo mặt đê kết hợp làm đường giao thông đoạn đê hữu sông Thái Bình (từ xã Tân Liên đến cầu Hàn), huyện Vĩnh Bảo	3706/QĐ-UBND, 07/12/2020	269.159	264.211	30.000	
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		268.798	203.798	40.000	
1	Xây dựng Trung tâm Hành chính - Chính trị quận Ngô Quyền	3544/QĐ-UBND, 25/11/2020	254.175	189.175	30.000	
2	Xây dựng Hội trường xét xử thân thiện, phòng làm việc của thẩm phán và thư ký Tòa Gia đình và người chưa thành niên, Trung tâm lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố	53/QĐ-UBND, 07/01/2020	14.623	14.623	10.000	
III	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án sẽ đầu tư mới và các dự án sẽ điều chỉnh				639.386,121	

**BIỂU VI: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CHO
CÁC QUẬN, HUYỆN NĂM 2021**

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Quận, huyện	KH vốn năm 2021			
		Tổng số	Nguồn thu được điều tiết (Vốn XDCB TT)	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	Nguồn thu tiền sử dụng đất của các quận, huyện
1	Quận Hồng Bàng	162.337		62.137	100.200
2	Quận Ngô Quyền	96.118		75.790	20.328
3	Quận Lê Chân	147.776		83.253	64.523
4	Quận Hải An	427.484	43.443	66.161	317.880
5	Quận Kiến An	160.847		100.265	60.582
6	Quận Đồ Sơn	143.353		96.313	47.040
7	Quận Dương Kinh	95.115		87.165	7.950
8	Huyện Thủy Nguyên	548.476		162.682	385.794
9	Huyện An Dương	192.104		121.696	70.408
10	Huyện An Lão	133.611		102.471	31.140
11	Huyện Kiến Thụy	187.858		118.858	69.000
12	Huyện Tiên Lãng	136.306		120.108	16.198
13	Huyện Vĩnh Bảo	169.485		130.985	38.500
14	Huyện Cát Hải	123.747		111.803	11.944
15	Bạch Long Vĩ	31.068		31.068	0
	Tổng số	2.755.685	43.443	1.470.755	1.241.487

**BIỂU VII: HỖ TRỢ CÁC QUẬN ĐẦU TƯ CÔNG VIÊN CÂY XANH
TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Hạng mục	Kế hoạch năm 2021
1	Quận Ngô Quyền	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
2	Quận Hồng Bàng	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
3	Quận Lê Chân	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
4	Quận Kiến An	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
5	Quận Hải An	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
6	Quận Dương Kinh	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
7	Quận Đồ Sơn	Đầu tư 01 công viên cây xanh	15.000
	Tổng số		105.000

**BIỂU VIII: HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO CÁC QUẬN, HUYỆN CHI TRẢ BỒI THƯỜNG GPMB, TÁI ĐỊNH CƯ
PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI
PHÒNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 52 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2021
1	Quận Hải An	9.240,234
2	Quận Dương Kinh	34.573,576
3	Huyện Kiến Thụy	52.320,208
4	Huyện An Lão	124.308,379
	Tổng số	220.442,397

BIỂU IX. KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI VỐN ODA

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư				Vay lại vốn ODA năm 2021
		Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn ODA		
				Tổng số	Vay lại	
	TỔNG SỐ	986.945	144.813	842.132	225.036	62.400
1	Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	885.860	127.900	757.960	182.950	29.000
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	101.085	16.913	84.172	42.086	33.400